VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi

Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 02 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Căn cứ Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Con nuôi;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư Ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng các mẫu Sổ đăng ký nuôi con nuôi, Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, giấy tờ nuôi con nuôi; lưu trữ, quản lý Sổ, giấy tờ nuôi con nuôi, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng sử dụng mẫu Sổ và mẫu giấy tờ

1. Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và người nước ngoài thường trú ở nước ngoài có yêu cầu giải quyết các việc về nuôi con nuôi tại Việt Nam;

2. Ủy ban nhân dân các cấp;

3. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Tư pháp);

---

[1] Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Con nuôi;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi."

4. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

5. [2] Bộ Tư pháp;

6. Tổ chức con nuôi nước ngoài xin cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

7. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan theo quy định của Luật Nuôi con nuôi.

Điều 3. Ban hành mẫu Sổ, mẫu giấy tờ

1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

a) 02 mẫu Sổ (Phụ lục 1);

b) 07 mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước (Phụ lục 2);

c)[3] 16 mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Phụ lục 3);

d) 06 mẫu giấy tờ dùng chung cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Phụ lục 4);

đ)[4] Nội dung các mẫu điện tử tương tác về đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến (Phụ lục 5);

e)[5] Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Phụ lục 6).

---

[2] Cụm từ "Cục Con nuôi," được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

[4] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

[5] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

2. Tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc, chi tiết kỹ thuật của mẫu Sổ và mẫu giấy tờ được mô tả cụ thể trong các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. In, phát hành mẫu Sổ và mẫu giấy tờ

1. Các mẫu Sổ, mẫu giấy tờ nuôi con nuôi được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại địa chỉ: www.moj.gov.vn), cơ quan đăng ký nuôi con nuôi có thể truy cập, tự in để sử dụng, trừ mẫu Sổ và các mẫu giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này.

Các mẫu Sổ, mẫu giấy tờ nuôi con nuôi do cơ quan đăng ký nuôi con nuôi tự in phải được in bằng loại mực tốt, màu đen, không bị nhòe, mất nét hoặc phai màu.

2.[6] Việc in, phát hành Sổ đăng ký nuôi con nuôi, bản chính có nội dung và bản chính - phôi không có nội dung của Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký nuôi con nuôi đã sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thì có thể sử dụng phôi mẫu Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (*bản chính - phôi, không có nội dung*) và phôi mẫu Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (*bản chính - phôi, không có nội dung*) để in trực tiếp toàn bộ nội dung thông tin đăng ký nuôi con nuôi theo đúng tiêu chuẩn, được Bộ Tư pháp công nhận.

4. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải quyết việc nuôi con nuôi (sau đây gọi chung là người có yêu cầu) truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại địa chỉ: www.moj.gov.vn) để tự in và sử dụng các loại mẫu Đơn, Tờ khai và Báo cáo.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trường hợp người có yêu cầu không thể tự in các loại mẫu Đơn, Tờ khai và Báo cáo, thì cơ quan đăng ký nuôi con nuôi có trách nhiệm in và phát miễn phí cho người có yêu cầu.

Điều 5. Yêu cầu đối với việc ghi và cách ghi Sổ đăng ký nuôi con nuôi, Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và giấy tờ nuôi con nuôi

1. Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, người làm công tác hộ tịch tại Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Sở Tư pháp, viên chức ngoại giao, lãnh sự, công chức[7] Bộ Tư pháp (sau đây gọi là người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi) là người thực hiện thủ tục phải trực tiếp ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và giấy tờ nuôi con nuôi. Nội dung ghi phải chính xác; chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; viết cùng một màu mực; không dùng mực đỏ.

Việc ghi vào Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện trên máy tính.

2. Họ, chữ đệm, tên của cha, mẹ nuôi và con nuôi phải ghi bằng chữ in hoa theo đúng Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

3. Mục Nơi sinh ghi đầy đủ theo Giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi.

4. Mục Giấy tờ tùy thân ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 00108912345, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014; Hộ chiếu số 503705379, do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cấp ngày 23/12/2019.

---

[7] Cụm từ "Cục Con nuôi," được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

5. Mục Nơi cư trú được ghi như sau:

a) Trường hợp cha, mẹ nuôi là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, hoặc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam thì ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh). Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo địa chỉ nơi đang sinh sống.

b) Trường hợp cha, mẹ nuôi là người nước ngoài thường trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú ở nước ngoài. Trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm thì ghi đồng thời cả địa chỉ thường trú ở nước ngoài và địa chỉ tạm trú ở Việt Nam.

c) Nơi cư trú của con nuôi ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú của con nuôi và ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh). Nếu con nuôi sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.

6. Mục Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi được ghi như sau:

a) Trường hợp việc nuôi con nuôi trong nước được đăng ký ở trong nước thì ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh) nơi đăng ký.

b) Trường hợp việc nuôi con nuôi trong nước được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (ví dụ: Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Berlin).

c) Trường hợp ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì ghi đủ 02 cấp hành chính (huyện, tỉnh).

d) Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì ghi tên Sở Tư pháp nơi đăng ký.

Điều 6. Sửa chữa sai sót khi ghi Sổ đăng ký nuôi con nuôi và giấy tờ nuôi con nuôi

1. Trong quá trình đăng ký nuôi con nuôi, nếu có sai sót trên giấy tờ nuôi con nuôi thì người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải hủy bỏ giấy tờ đó và ghi giấy tờ mới, không cấp cho người dân giấy tờ nuôi con nuôi đã bị sửa chữa.

2. Trong quá trình đăng ký nuôi con nuôi nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải gạch ngang phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa.

Trường hợp có sai sót bỏ trống trang Sổ thì người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải gạch chéo trang bỏ trống.

Cột ghi chú của Sổ đăng ký nuôi con nuôi phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên.

Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót.

Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong giấy tờ nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

3. Khi quá trình đăng ký nuôi con nuôi đã kết thúc mà sau đó mới phát hiện có sai sót thông tin trong Sổ hoặc giấy tờ nuôi con nuôi do lỗi của người đi đăng ký nuôi con nuôi hoặc của cơ quan đăng ký nuôi con nuôi thì thực hiện việc cải chính. Thủ tục cải chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về cải chính hộ tịch.

Điều 7. Lưu trữ, quản lý Sổ và hồ sơ nuôi con nuôi

1. Sổ đăng ký nuôi con nuôi phải được cơ quan đăng ký nuôi con nuôi giữ gìn, bảo quản và lưu trữ vĩnh viễn để sử dụng, phục vụ nhu cầu của người dân và hoạt động quản lý nhà nước.

2. Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, hồ sơ và Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, có thể được lưu trữ điện tử tạo lập từ việc số hóa.

3. Bộ Tư pháp[8], Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, khai thác sử dụng Sổ, hồ sơ nuôi con nuôi, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp phòng chống bão lụt, cháy, ẩm ướt, mối mọt để bảo đảm an toàn.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì các mẫu giấy tờ nuôi con nuôi đã có trong hồ sơ vẫn tiếp tục có giá trị pháp lý theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi và Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

2. Giấy Chứng nhận nuôi con nuôi, Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài và Sổ đăng ký nuôi con nuôi theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp đang sử dụng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Điều 9. Hiệu lực thi hành[9]

---

[8] Cụm từ "Cục Con nuôi" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tư pháp" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

[9] Điều 3 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023 quy định như sau:

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và thay thế Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi và Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

2. Bãi bỏ Mẫu số 01/BC/PTTE được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 và Mẫu số 02/BC/VPCNNNg được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tư pháp, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 5926/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Tiến Dũng

---

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

2. Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì các mẫu giấy tờ nuôi con nuôi đã có trong hồ sơ vẫn tiếp tục có giá trị pháp lý theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTP".

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SỔ

(Kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên Sổ
1	Sổ đăng ký nuôi con nuôi
2	Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Sổ đăng ký nuôi con nuôi gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Sổ có kích thước tương đương khổ giấy A4 (210 x 297mm), được in thành 100 trang.

Sổ có bìa cứng, cán mờ, được thiết kế màu xanh lá cây chủ đạo, có hoa văn là hình trống đồng Ngọc Lũ. Trên cùng là quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**". Tiếp phía dưới là hình ảnh quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở trên dòng chữ "**BỘ TƯ PHÁP",** kích thước 24 x 24mm. Tên biểu mẫu là chữ in hoa đậm, màu đỏ, cỡ chữ 35pt.

Các trang trong Sổ được in trên giấy trắng, khổ A4, định lượng 70gsm trở lên, sử dụng font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 12pt, in 01 màu.

Yêu cầu đối với Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

Sổ được in, đóng thành quyển, bảo đảm chắc chắn, có khả năng sử dụng lâu dài, không bị long gáy, bung trang.

Trên cùng là quốc hiệu "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc". Tiếp phía dưới là dòng chữ "**BỘ TƯ PHÁP"**. Tên biểu mẫu là chữ in hoa đậm, màu đen, cỡ chữ 35pt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TƯ PHÁP

SỔ
ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI

Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi [(1)]:.....
.....
.....

Quyển số [(2)]:.....
Ngày mở [(3)]:..... tháng..... năm.....
Ngày khóa [(4)]:..... tháng..... năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Tên cơ quan đăng ký nuôi con nuôi (1) phải được ghi rõ tại trang bìa của sổ:

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp xã thì phải ghi đủ tên địa danh 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh);

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì phải ghi đủ tên địa danh 02 cấp hành chính (huyện, tỉnh);

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Sở Tư pháp thì ghi tên của Sở Tư pháp và địa danh hành chính cấp tỉnh;

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên của Cơ quan đại diện Việt Nam.

2. Mục quyển số (2) ghi số thứ tự của Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong năm, trường hợp hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi số thứ tự tiếp theo; Mục ngày mở (3) ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi đầu tiên của sổ; Mục ngày khóa (4) ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi cuối cùng của sổ, trường hợp chưa hết sổ mà hết năm thì ngày khóa sổ là ngày 31 tháng 12.

3. Số đăng ký (5) là số thứ tự ghi vào sổ và năm đăng ký (ví dụ: số 01/2020).

Số đăng ký trong sổ phải được ghi liên tục từ số 01 đến hết năm, không được bỏ trống, không được để trùng số. Nếu hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi tiếp theo số thứ tự cuối cùng của sổ trước, không ghi lại từ số 01. Nếu sổ được sử dụng tiếp cho năm sau, thì số thứ tự của năm sau phải bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự của năm trước.

Sổ phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ ngay tại thời điểm mở sổ.

4. Ngày, tháng, năm đăng ký (6) là ngày, tháng, năm ghi vào sổ.

5. Năm đăng ký bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12. Hết năm đăng ký phải thực hiện khóa sổ, thống kê tổng số sổ đã sử dụng, tổng số sự kiện nuôi con nuôi đã đăng ký trong năm, các trường hợp có sửa chữa do ghi chép sai sót, số trang bị bỏ trống (nếu có) vào trang liền kề với trang đăng ký cuối cùng của năm; ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh; có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi.

6. Sổ được sử dụng để ghi thông tin về việc đăng ký nuôi con nuôi, đăng ký lại việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền, việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và những thông tin thay đổi, cải chính sau này.

7. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải nghiên cứu kỹ nội dung Thông tư và phần "Hướng dẫn sử dụng" trong Sổ đăng ký nuôi con nuôi để thực hiện đầy đủ, chính xác và thống nhất.

Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải tự mình ghi vào sổ, nội dung ghi phải chính xác, theo đúng hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi. Không tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong sổ.

Chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; viết bằng loại mực tốt, cùng một màu; không dùng các màu mực khác nhau; không dùng mực đỏ.

8. Họ, chữ đệm, tên của cha, mẹ nuôi, con nuôi và người giao con nuôi phải ghi bằng chữ in hoa theo đúng Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

Mục Nơi sinh của con nuôi ghi đầy đủ theo Giấy khai sinh của con nuôi.

Nơi cư trú ở trong nước ghi theo nơi đăng ký thường trú; trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống. Nếu con nuôi sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.

Trường hợp người nhận con nuôi cư trú ở nước ngoài thì ghi theo nơi thường trú ở nước ngoài. Trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm thì ghi cả địa chỉ thường trú ở nước ngoài và địa chỉ tạm trú ở Việt Nam.

Giấy tờ tùy thân phải ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 00108912345, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014.

9. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào các ô phù hợp tại cột bên phải tương ứng với phần ghi về người nhận con nuôi, con nuôi và người giao con nuôi.

10. Mục "Căn cứ ghi vào sổ" (7), tùy theo từng loại việc, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào ô tương ứng và ghi đầy đủ thông tin.

11. Mục "Ghi chú" (8) để ghi thông tin trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã chấm dứt theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền; thông tin thay đổi, cải chính sau này; thông tin sửa chữa, cải chính trong trường hợp có sai sót khi ghi sổ.

12. Đối với trường hợp ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và đăng ký lại việc nuôi con nuôi, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi ghi đầy đủ thông tin về người nhận con nuôi (cha nuôi, mẹ nuôi), con nuôi và đánh dấu vào ô tương ứng tại mục "Ghi chú"; những nội dung liên quan đến người giao con nuôi, chữ ký của người giao con nuôi và người nhận con nuôi trong sổ được bỏ trống.

13. Người thực hiện (9) là người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi.

Số đăng ký[5]:..... Ngày, tháng, năm đăng ký[6]:...../...../.....

<table>
<tr><td colspan="3">1. Phần ghi về người nhận con nuôi:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Cha nuôi:</td><td rowspan="10">□ Chú, cậu, bác ruột
□ Cha dượng
□ Khác</td></tr>
<tr><td>Họ, chữ đệm, tên</td><td>.....
.....</td></tr>
<tr><td>Ngày, tháng, năm sinh</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Quốc tịch</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Giấy tờ tùy thân</td><td>.....
.....
.....</td></tr>
<tr><td>Nơi cư trú</td><td>.....
.....
.....
.....</td></tr>
<tr><td>Mẹ nuôi:</td><td></td></tr>
<tr><td>Họ, chữ đệm, tên</td><td>.....
.....</td></tr>
<tr><td>Ngày, tháng, năm sinh</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Quốc tịch</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Giấy tờ tùy thân</td><td>.....
.....
.....</td><td rowspan="3">□ Cô, dì, bác ruột
□ Mẹ kế
□ Khác</td></tr>
<tr><td>Nơi cư trú</td><td>.....
.....
.....
.....</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="2">2. Phần ghi về con nuôi:</td><td rowspan="2">□ Con riêng
□ Cháu ruột
□ Trẻ em bị bỏ rơi
□ Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ
□ Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác
□ Trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng
□ Trẻ em sống tại gia đình
□ Trẻ em sống ở nơi khác
□ Trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo</td></tr>
<tr><td colspan="2">Họ, chữ đệm, tên..... Giới tính.....
Ngày, tháng, năm sinh.....
Quốc tịch.....
Nơi sinh.....
.....
.....
Nơi cư trú.....
.....
.....
.....
Số định danh cá nhân:.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. Phần ghi về người giao con nuôi:</td><td rowspan="5">□ Cha đẻ
□ Người giám hộ
□ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng
□ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ông:</td></tr>
<tr><td>Họ, chữ đệm, tên</td><td>.....
.....</td></tr>
<tr><td>Ngày, tháng, năm sinh</td><td>.....
.....</td></tr>
<tr><td>Quốc tịch</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Giấy tờ tùy thân</td><td>.....
.....
.....</td><td rowspan="5">□ Mẹ đẻ
□ Người giám hộ
□ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng
□ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Bà:</td></tr>
<tr><td>Họ, chữ đệm, tên</td><td>.....
.....</td></tr>
<tr><td>Ngày, tháng, năm sinh</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Quốc tịch</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Giấy tờ tùy thân</td><td>.....
.....
.....
.....</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="2">4. Căn cứ ghi vào sổ[7]:</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">□ Theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số..... ngày..... tháng..... năm....., do Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... cấp.
□ Theo Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày..... tháng..... năm..... do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... cấp.
□ Theo giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của....., cấp ngày..... tháng..... năm.....</td><td rowspan="4">Ghi chú [8]
□ Đăng ký lại việc nuôi con nuôi
□ Việc nuôi con nuôi đã chấm dứt theo Quyết định/Bản án số...../.... ngày.... tháng... năm.... của Tòa án nhân dân...
.....
.....
□ Thông tin thay đổi, cải chính:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....</td></tr>
<tr><td>Người giao con nuôi
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)</td><td>Người nhận con nuôi
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)</td></tr>
<tr><td colspan="2">5. Người thực hiện[9]
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh)</td></tr>
</table>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TƯ PHÁP

SỔ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM[1]

Quyển số(1) :.....
Ngày mở(2):..... tháng..... năm.....
Ngày khóa(3):..... tháng..... năm.....

[1] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Nội dung cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam phải được ghi vào sổ này.

2. Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được ghi trên máy tính. Sau khi khóa sổ, Bộ Tư pháp phải in sổ, đóng thành quyển, bảo đảm chắc chắn, có khả năng sử dụng lâu dài, không bị long gáy, bung trang và phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ.

3. Việc mở, khóa sổ được thực hiện như sau:

- Mục "Quyển số(1)" được đánh số và ghi theo thứ tự bắt đầu từ số 01. "Ngày mở(2)" là ngày đăng ký sự kiện cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép đầu tiên của sổ, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của năm đó. "Ngày khóa(3)" là ngày 31 tháng 12.

- Khi khóa sổ, công chức của Bộ Tư pháp phải thống kê rõ tổng số sự kiện cấp, gia hạn, sửa đổi trong sổ, in sổ, ký tên, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu xác nhận.

4. Khi ghi các mục có trong sổ, công chức của Bộ Tư pháp phải ghi chính xác, đầy đủ nội dung theo Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Mục "Tên gọi" của tổ chức con nuôi nước ngoài phải được viết đầy đủ, bao gồm cả tên viết tắt (nếu có).

- Mục "Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp" phải ghi đầy đủ tên cơ quan cấp, số Giấy phép (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp.

- Mục "Số(4)" của Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp ghi số của Giấy phép được cấp lần đầu tiên.

- Mục "Ngày, tháng, năm cấp(5)" của Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp ghi ngày cấp Giấy phép đầu tiên.

5. Nếu lần đầu tiên ghi sổ là sự kiện gia hạn hoặc sửa đổi Giấy phép thì phải ghi đầy đủ thông tin về Tổ chức con nuôi nước ngoài và thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam tại phần " CẤP PHÉP" và bỏ trống mục "Người thực hiện".

6. Nội dung gia hạn được ghi vào phần "II. GIA HẠN GIẤY PHÉP".

Nội dung sửa đổi Giấy phép được ghi vào phần "III. SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP".

I. CẤP PHÉP

1. Thông tin về Tổ chức con nuôi nước ngoài:		**Ghi chú**
Tên gọi		
Địa chỉ đặt trụ sở chính		
Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp:		
Số (nếu có)		
Ngày, tháng, năm cấp		
Ngày hết hạn		
Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp:		
Số[(4)]		
Thời hạn Giấy phép	Ngày, tháng, năm cấp[(5)]: Ngày, tháng, năm hết hạn: *Số lần gia hạn:.....* *Ngày gia hạn cuối cùng:.....* *Số lần sửa đổi:.....* *Ngày sửa đổi cuối cùng:.....*	
2. Thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:		
Tên gọi		
Địa chỉ		
Người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu:		
Nơi cư trú		
3. Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh)*		

II. GIA HẠN GIẤY PHÉP

III. SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC MẪU GIẤY TỜ DÙNG CHO VIỆC ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI[1]

(Kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)

STT	Tên giấy tờ
1	Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi
2	Đơn xin nhận con nuôi trong nước
3	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi
4	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Bản chính - có nội dung)
5	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Bản chính - phôi, không có nội dung)
6	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Bản sao)
7	Báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Bản chính - có nội dung) gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Được in trên giấy trắng định lượng 120gsm, khổ giấy A4 (210 x 297mm), in offset 4 x 1 màu. Nội dung chính in trên mặt trước, có hoa văn chìm, ở chính giữa nền hoa văn là hình trống đồng Ngọc Lũ, trên mặt trống đồng là hình vẽ bản đồ Việt Nam và các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, các đảo nhỏ khác... Vị trí hình ngôi sao là Thủ đô Hà Nội. Phía ngoài trống đồng là nền hoa văn và được đóng khung bởi đường viền trang trí. Nền hoa văn trang trí sử dụng màu sắc phù hợp.

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Nội dung chính được soạn thảo bằng font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 13pt, khoảng cách dòng là 21.5pt, trường nội dung chữ cách mép giấy hai bên là 23mm, cách mép trên là 12.8mm và mép dưới là 18mm. Phía trên cùng là Quốc hiệu và Tiêu ngữ "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**". Tiếp phía dưới là hình ảnh Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có kích thước là 20 x 20mm. Tên mẫu màu đỏ, in hoa đậm, cỡ chữ 18pt.

Mặt sau của Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước là bảng "Phần ghi chú những thông tin thay đổi, cải chính hộ tịch sau này", được in trên nền hoa văn phù hợp. Nội dung bảng sử dụng font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 12pt, kích thước bảng là 158 x 260mm.

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính - phôi, không có nội dung) gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Là phôi in màu theo các mô tả chi tiết nêu trên, có Quốc hiệu, Quốc huy và tên mẫu tại mặt trước, bảng "Phần ghi chú những thông tin thay đổi, cải chính hộ tịch sau này" ở mặt sau của Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM LÀM CON NUÔI

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố[1] .....

I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[2]		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu

1. Tình trạng hôn nhân và gia đình

□ Chưa kết hôn □ Kết hôn □ Ly hôn □ Chồng/vợ đã chết

□ Chưa có con đẻ

□ Đã có con đẻ □ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con:.....

Độ tuổi của con lớn nhất:..... Độ tuổi của con nhỏ nhất:.....

---

[1] Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú.

[2] Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

2. Tiền án, tiền sự

□ Không

□ Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì.....)

3. Tình trạng chỗ ở

Diện tích:.....

□ Nhà thuộc sở hữu □ Nhà thuê □ Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

□ Có

□ Không

4. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

□ Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

□ Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

□ Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

□ Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và việc nhận con nuôi không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi. Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, giải quyết./.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

ÔNG	**BÀ**
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

III. Xác nhận của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp.....[3] xác nhận đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi của Ông/Bà.....[4]

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

[3] Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[4] Sở Tư pháp gửi bản chụp Đơn đã được xác nhận cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Ông), kích cỡ 4 x 6 cm	Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Bà), kích cỡ 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....[1]

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[2]		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

---

[1] Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

[2] Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Ngày, tháng, năm sinh: .....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Thuộc đối tượng[3]:.....

□ Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại/Thư điện tử:.....

□ Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng: .....

.....

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú[4].

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

ÔNG	**BÀ**
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

[3] Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

[4] Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[1]		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

□ Chưa kết hôn □ Kết hôn □ Ly hôn □ Chồng/vợ đã chết

□ Chưa có con đẻ

□ Đã có con đẻ □ Đã có con nuôi Nêu rõ số lượng con:.....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:.....
- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:.....

.....

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

□ Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

□ Chưa biết về việc nhận con nuôi

□ Ủng hộ việc nhận con nuôi □ Không ủng hộ việc nhận con nuôi

□ Ý kiến khác:.....

.....

[1] Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:.....

□ Nhà thuộc sở hữu □ Nhà thuê □ Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

□ Có

□ Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì): .....
- Thu nhập:

□ Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

□ Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

□ Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

□ Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):.....

.....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: □ Có □ Không

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi[2]:

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

[2] Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi[3]

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú[4]

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà..... là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ

CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

[3] Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

[4] Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:	**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi**:
.....	.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:	Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:
.....	.....
.....	.....
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú:.....
.....	.....
.....	.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Số định danh cá nhân:.....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....
.....
Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi:.....
.....
Ngày, tháng, năm cấp:.....
Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi
Số đăng ký.....
Quyển số.....
Ngày..... tháng..... năm.....
Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN

.....

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....[1]

GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC (BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:
.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[2]:
.....
.....
Nơi cư trú:.....
.....
.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:
.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân[2]:
.....
.....
Nơi cư trú:.....
.....
.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Số định danh cá nhân:.....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....
.....
Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi:.....
.....
Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước được cấp ngày..... tháng..... năm.....
Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN
(Đã ký)

.....
.....[4]

Số[5]: /NCNTN-BS

Sao từ[3] .....
....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

---

[1] Ghi theo số Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính).

[2] Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

[3] Ghi rõ việc cấp bản sao từ "Sổ đăng ký nuôi con nuôi" hoặc từ "Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử".

[4] Ghi tên cơ quan cấp bản sao như sau:

- Việc cấp bản sao được thực hiện ở trong nước ở cấp xã ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh). Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Việc cấp bản sao được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ghi tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Ví dụ: Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Béc-lin (Berlin), CHLB Đức.

[5] Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CON NUÔI TRONG NƯỚC

Báo cáo số:.....

Kính gửi[1]:.....

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Cha, mẹ nuôi	
Họ, chữ đệm, tên cha nuôi	.....
Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi	.....
Địa chỉ liên hệ	.....
Điện thoại/Thư điện tử	.....
2. Con nuôi	
Họ, chữ đệm, tên (trước khi được nhận làm con nuôi)	.....
Họ, chữ đệm, tên (sau khi được nhận làm con nuôi)	.....
Ngày, tháng, năm sinh	.....
Giới tính	□ Nam □ Nữ
Nơi cư trú hiện tại	....
Được nhận làm con nuôi	Theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số..... ngày..... tháng..... năm....., do[2]..... .... cấp.

[1] Ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú và nơi đăng ký việc nuôi con nuôi đối với trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước. Ghi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với trường hợp đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

[2] Ghi Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

II. ĐIỀU KIỆN SỐNG, SINH HOẠT HIỆN TẠI CỦA CON NUÔI

1. Hiện đang sống cùng:

□ Cha, mẹ nuôi

□ Người khác:

Nếu con nuôi đang sống cùng với người khác, đề nghị nêu rõ:

- Nêu lý do sống cùng người khác:

.....

.....

- Mối quan hệ của trẻ em với người đang sống cùng:

.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại/Thư điện tử liên hệ:.....

2. Hoàn cảnh gia đình cha, mẹ nuôi có gì thay đổi không?

□ Không □ Có

Nếu có, nêu rõ thay đổi và việc thay đổi có ảnh hưởng tới con nuôi không?

.....

.....

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN, HÒA NHẬP CỦA CON NUÔI (kèm theo những hình ảnh của con nuôi, nếu có)

1. Đánh giá chung về mức độ phát triển của con nuôi

i) Sức khỏe thể chất của con nuôi (chiều cao, cân nặng):

.....

.....

.....

.....

ii) Sự hòa nhập của con nuôi với gia đình, cộng đồng:

.....

.....

.....

.....

.....

iii) Tình hình học tập và các vấn đề khác đối với sự phát triển của con nuôi:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu rõ những khó khăn cơ bản con nuôi gặp phải (nếu có)

i) Về hòa nhập (với cha mẹ nuôi, gia đình họ hàng, cộng đồng: tự ti, mặc cảm; khó làm quen, gắn bó với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình; khó thích nghi với nề nếp sinh hoạt mới; có thái độ phản ứng/chống đối/quậy phá...):

.....

.....

.....

.....

.....

ii) Về sức khỏe (con nuôi có mắc bệnh không, việc điều trị y tế như thế nào...):

.....

.....

.....

.....

.....

iii) Về phát triển vận động (con nuôi có khó khăn khi trườn, ngồi, bò, đi, đứng, chạy, nhảy... so với độ tuổi hay không):

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo[3]

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

[3] Cha, mẹ nuôi lập báo cáo hoặc cha, mẹ nuôi có thể đề nghị người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hỗ trợ lập báo cáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Ông), kích cỡ 4x6 cm
Prospective adoptive father's photo, 4 x 6 cm

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Bà), kích cỡ 4x6 cm
Prospective adoptive mother's photo, 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(*Used for adoption of a child living in an institution)*

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/*Information of prospective adoptive parent(s)*

Thông tin/Information	**Ông/Mr**	**Bà/Ms**
Họ, chữ đệm, tên/*Full name*		
Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*		
Quốc tịch/*Nationality*		
Hộ chiếu/*Passport*[1]		
Nghề nghiệp/*Occupation*		
Nơi cư trú/*Place of residence*		
Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*		

[1] Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp.Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

2. Nguyện vọng về trẻ em được nhận làm con nuôi/*Desire for adopting a child with*

Độ tuổi/*Age:* .....

Giới tính/*Sex*: .....

Tình trạng sức khỏe/*Health status*: .....

Các đặc điểm khác *(nếu có)/*other characteristics *(if any):*.....

.....

.....

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Done in....., on day..... month..... year.....

ÔNG/*Mr*	**BÀ/*Ms***
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, full name)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Ông), kích cỡ 4x6 cm
Prospective adoptive father's photo, 4 x 6 cm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi (Bà), kích cỡ 4x6 cm
Prospective adoptive father's photo, 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(*Used for adoption of a step-child or biological niece/nephew)*

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/*Information of prospective adoptive parent(s)*

Thông tin/Information	**Ông/Mr**	**Bà/Ms**
Họ, chữ đệm, tên/*Full name*		
Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*		
Quốc tịch/*Nationality*		
Hộ chiếu/*Passport* [1]		
Nghề nghiệp/*Occupation*		
Nơi cư trú/*Place of residence*		
Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*		

[1] Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi/*Information of the child to be adopted*

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: ..... Giới tính/*Sex*: .....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*:..... Quốc tịch/*Nationality*: .....

Số định danh cá nhân/*Personal identity number*:.....

Nơi sinh/*Place of birth*:.....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

.....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà*/currently living with Mr/Ms*:

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: .....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

.....

Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*:.....

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Done in....., on day..... month..... year.....

ÔNG/*Mr*	**BÀ/*Ms***
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, full name)*

VĂN BẢN
VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM

1. Họ, chữ đệm, tên: ..... Nam □ Nữ □

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Nơi cư trú: .....

.....

4. Hoàn cảnh gia đình:

☐ Bị bỏ rơi

☐ Mồ côi cả cha và mẹ

☐ Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ): .....

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):.....

.....

.....

.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không): .....

.....

.....

.....

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao..... Cân nặng.....

Sức khỏe hiện tại:

☐ Bình thường

☐ Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

☐ Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo: .....

.....

Có đang được điều trị không?

☐ Không.....

☐ Có

Nếu "có", nêu thuốc đang dùng và cách điều trị: .....

.....

.....

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó): .....

.....

.....

Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô trông trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...): .....

.....

.....

.....

.....

Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không....):

.....

.....

.....

.....

.....

Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

.....

.....

.....

.....

Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

☐ Không

☐ Có

Nếu "có", đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...): .....

.....

.....

III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

.....

.....

.....

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

.....

.....

.....

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng[1]

Người lập báo cáo[2]

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

[1] Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

[2] Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ..... **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /STP-....[1] V/v xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú[2]: .....

Thuộc đối tượng[3]:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định như sau:.....[4]. Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em đã được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Những người liên quan (.....[5]) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

---

[1] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

[2] Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.

[3] Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Ghi rõ trẻ em thuộc một trong các đối tượng sau: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.

[4] Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh.

[5] Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.

Thuộc đối tượng[6]:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Những người liên quan (.....[7]) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện[8]:

.....

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Nơi nhận:
- Như trên;
-[9].....
- Lưu: VT,....[10]

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

---

[6] Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại gia đình. Ghi rõ trẻ em là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi.

[7] Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.

[8] Theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 36 của Luật Nuôi con nuôi hoặc đích danh theo khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

[9] Trường hợp trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì bổ sung Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (để theo dõi) và cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp)..

[10] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
.....	
Số:...../QĐ-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:	Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:
.....	.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
Hộ chiếu:.....	Hộ chiếu:.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú:.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú (để biết);
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ..... **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày……. tháng..…… năm.....*

Số[1]: /NCNNN-TLBS

TRÍCH LỤC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI (BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:	**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:**
.....	.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
Hộ chiếu[2]:.....	Hộ chiếu[2]:.....
.....	.....
.....	.....
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú:.....
.....	.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Số định danh cá nhân:.....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....
Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số....., do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày..... tháng..... năm.....

Thực hiện trích lục từ Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

[1] Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

[2] Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI PHÙ HỢP CÔNG ƯỚC LA HAY SỐ 33
CERTIFICATE OF INTERCOUNTRY ADOPTION IN CONFORMITY WITH THE HAGUE CONVENTION NO. 33

Căn cứ Điều 23 Công ước La Hay số 33 ngày 29 tháng 5 năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế;

Pursuant to Article 23 of the Hague Convention No. 33 of 29 May 1993 on Protection of Children and Co-operation in Respect of Intercountry Adoption;

Căn cứ Điều 38 Luật Nuôi con nuôi Việt Nam;

Pursuant to Article 38 of the Law on Adoption, Vietnam;

CHỨNG NHẬN:
CERTIFIES:

1. Người có tên dưới đây/The person named below:

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: ..... Giới tính/*Sex*: .....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*:..... Quốc tịch/*Nationality*:.....

Số định danh cá nhân/*Personal identity number*:.....

Nơi sinh/*Place of birth*: .....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

2. Đã được giải quyết cho làm con nuôi của Ông/Bà có tên sau đây/was adopted by the following person(s):

a) Họ, chữ đệm, tên của cha nuôi/Full name of the adoptive father:.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: .....

Quốc tịch/*Nationality*:.....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

.....

b) Họ, chữ đệm, tên của mẹ nuôi/Full name of the adoptive mother: .....

.....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: .....

Quốc tịch/*Nationality*:.....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

.....

Theo Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....., số...../QĐ-UBND cấp ngày..... tháng..... năm..... Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Under Decision on Intercountry Adoption No...../QD-UBND dated..... [day..... month..... year.....] by the People's Committee of....., which shall become final upon being recorded in the Adoption Register.

Lễ giao nhận con nuôi đã được tổ chức ngày..... tháng..... năm..... tại trụ sở Sở Tư pháp tỉnh/thành phố..... và việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi ngày..... tháng..... năm.....

The Child Giving and Receiving Ceremony was organized on..... [day..... month..... year.....] at the Department of Justice of.....,

and the adoption was recorded in the Adoption Register on..... [day..... month..... year.....].

3. Việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được thực hiện theo đúng Công ước La Hay số 33 ngày 29 tháng 5 năm 1993. Cơ quan Trung ương của Nước gốc và Nước nhận đã có văn bản đồng ý cho tiếp tục hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Điều 17(c) của Công ước, gồm:

The intercountry adoption was made in accordance with the Hague Convention No. 33 of 29 May 1993. The Central Authority of the State of origin and the Central Authority of the receiving State have agreed in writing that the adoption may proceed under paragraph c, Article 17 of the Convention, including:

- Văn bản đồng ý của Bộ Tư pháp nước CHXHCN Việt Nam số...../BTP-CN ngày..... tháng..... năm.....

- *The Agreement No*...../BTP-CN *made by the Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam on..... [day..... month..... year.....]*;

- Văn bản đồng ý của Cơ quan Trung ương của (Nước nhận.....) cấp ngày..... tháng..... năm..... cho phép hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi nước ngoài.

- *The Agreement made by the Central Authority of [the receiving State.....] on..... [day..... month..... year.....] stating that the adoption may proceed.*

4. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha, mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

As of the date of handover of the adopted child, the adoptive parent(s) and the adopted child shall constitute a permanent, sustainable parent-child relationship.

The adoptive parent(s) and the adopted child shall have full rights and obligations towards each other; other family members of the adoptive parent(s) and the adopted child shall also have full rights and obligations towards each other in accordance with the law of Vietnam. The birth parents no longer have the rights and/or duties to take care of, to nurture, to pay alimony to, to make legal representation for, to compensate for damage caused by, and to administer and dispose the property of the adopted child. The adopted child is entitled to have his/her civil status supplemented and/or changed under applicable laws.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
Hanoi, on..... [day..... month..... year.....]
TL. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
VỤ TRƯỞNG VỤ CON NUÔI
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, dấu)
FOR THE MINISTER OF JUSTICE
DIRECTOR OF THE DEPARTMENT OF ADOPTION
(Signature, full name and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
PHÙ HỢP CÔNG ƯỚC LA HAY SỐ 33
CERTIFICATE
OF INTERCOUNTRY ADOPTION
IN CONFORMITY WITH THE HAGUE CONVENTION NO. 33

BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM VIỆT NAM ĐƯỢC CHO LÀM CON NUÔI Ở NƯỚC NGOÀI

REPORT ON DEVELOPMENT OF AN ADOPTED VIETNAMESE CHILD UNDER INTERCOUNTRY ADOPTION

Báo cáo số/Report No:.....

Số hồ sơ/*Reference number:*.....

☐ **Thông qua Tổ chức con nuôi nước ngoài/*With the support of a licensed foreign adoption service provider***

☐ **Không thông qua Tổ chức con nuôi nước ngoài/*Without the support of a licensed foreign adoption service provider***

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam/
Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước.....

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam/
Representative Mission of Vietnam in (country).....

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG/*GENERAL INFORMATION*

1. Phần thông tin về cha mẹ nuôi/*General information on the adoptive parent(s)*	
Họ, chữ đệm, tên cha nuôi/*Full name of the adoptive father*	.....
Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi/*Full name of the adoptive mother*	.....
Địa chỉ liên hệ/*Contact address*	.....
Điện thoại/thư điện tử/ *Phone/email*	.....
2. Phần thông tin về con nuôi/*Information on the adopted child*	
Họ, chữ đệm, tên trước khi được nhận làm con nuôi/*Full name before the adoption*	.....

Họ, chữ đệm, tên sau khi được nhận làm con nuôi/*Full name after the adoption*	.....
Ngày, tháng, năm sinh/ *Date of birth*	.....
Giới tính/*Sex*	□ Nam/*male* □ Nữ/*female*
Nơi cư trú hiện tại/ *Current place of residence*	.....
Ngày bàn giao con nuôi/ *Date of handover*	.....
Được nhận làm con nuôi/ *Being adopted*	Theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... *Under Decision No..... day..... month.... year..... of the provincial People's Commitee of.....*
Quốc tịch mới/*New nationality*	□ Có *(Yes)* □ Chưa *(Not yet)* □ Đang tiến hành thủ tục *(in process)*
Thực hiện thủ tục công nhận/ghi chú Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam/*Recognition/ registration of the Vietnamese Decision on intercountry adoption*	□ Có *(Yes)* □ Chưa *(Not yet)* □ Đang tiến hành *(in process)*
Hình thức nuôi con nuôi được công nhận/*Form of adoption*	□ Trọn vẹn/*Full adoption* □ Đơn giản/*Simple adoption* □ Khác/*Others*

II. ĐIỀU KIỆN SỐNG, SINH HOẠT HIỆN TẠI CỦA CON NUÔI/*CURRENT LIVING CONDITIONS AND SITUATION OF THE ADOPTED CHILD*

1. Hiện đang sống cùng/*The child is living with*:

□ Cha, mẹ nuôi/*The adoptive parent(s)*

□ Người khác/*Others*:

Nêu lý do sống cùng người khác/*Reason why the child lives with others*: .....

Mối quan hệ của trẻ em với người đang sống cùng/*Relationship between the child and those who the child is living with*:.....

Địa chỉ/*Address*:.....

Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*:.....

2. Hoàn cảnh gia đình cha, mẹ nuôi có gì thay đổi không/*Any noticeable change(s) in the family situation of the adoptive parent(s)*:

□ Không *(No)* □ Có *(Yes)*

Nếu có, nêu rõ thay đổi và có ảnh hưởng tới con nuôi không/*Specify whether such change(s) can affect the adopted child (if any)*

.....

.....

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN, HÒA NHẬP CỦA CON NUÔI (kèm theo những hình ảnh của con nuôi)/*ASSESSMENT ON DEVELOPMENT AND INTEGRATION OF THE ADOPTED CHILD (Enclosed with the photographs of the adopted child)*

1. Đánh giá chung về mức độ phát triển của con nuôi/*Overall assessment on the level of development of the adopted child*:

Tiêu chí/Criteria	**Mức độ/*level***		
	Vượt trội/ *Outstanding*	**Bình thường/ *Normal***	**Còn hạn chế/ *With limitation***
Về sức khỏe/*Health status*			
Về thể chất (chiều cao, cân nặng)/ *Physical health (height, weight)*	□	□	□

Tiêu chí/Criteria	**Mức độ/*level***		
	Vượt trội/ *Outstanding*	**Bình thường/ *Normal***	**Còn hạn chế/ *With limitation***
Về tâm thần/*Mental health*	□	□	□
Phát triển ngôn ngữ/*Language development*	□	□	□
Phát triển vận động/*Motor development*	□	□	□
Về khả năng hòa nhập, gắn bó/ *Integration*	□	□	□
Kết quả học tập (nếu trẻ đã đi học)/ *Performance at school (if the child goes to school)*	□	□	□

2. Nêu rõ những khó khăn cơ bản con nuôi gặp phải (nếu có)/*specify the main difficulties that the adopted child is facing (if any)*

i) Về hòa nhập (với cha mẹ nuôi, gia đình họ hàng, cộng đồng)/*On the child's integration (with the adoptive parent(s), the extended family, and the community):*

.....

.....

.....

.....

.....

ii) Về sức khỏe/*The child's health*:

.....

.....

.....

.....

iii) Về phát triển tâm thần vận động/*The child's motor mental development*:

.....

.....

.....

.....

iv) Về các vấn đề khác (nếu có)/Others (if any):

.....

.....

.....

.....

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Done in....., on day..... month..... year.....

Xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền *(Acknowledgement of the competent authority)*	**Người lập báo cáo/*Done by*** *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* *(Signature, full name)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN XIN CẤP/GIA HẠN/SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

APPLICATION FOR ISSUANCE, EXTENSION OR MODIFICATION OF LICENSE FOR A FOREIGN ADOPTION SERVICE PROVIDER TO OPERATE IN VIETNAM

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Thông tin về Tổ chức con nuôi nước ngoài/*Foreign Adoption Service Provider*

Tổ chức con nuôi nước ngoài có tên gọi dưới đây/*The following Foreign Adoption Service Provider*:

Tên đầy đủ/*Full name*:.....

Tên viết tắt/*Name in abbreviation*:.....

Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: .....

.....

Được cơ quan có thẩm quyền của.....[1] cấp phép hoạt động về nuôi con nuôi nước ngoài từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.... năm...../ *Having been accredited by the competent authority of.....[1] to operate in intercountry adoption from day..... month..... year..... to day..... month..... year.....*

[1] Ghi rõ tên quốc gia nơi Tổ chức con nuôi nước ngoài được thành lập/*Fill in the name of the country where the Foreign Adoption Service Provider is duly established.*

2. Thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam[2]/*Foreign Adoption Office in Vietnam*:

Tên gọi đầy đủ/*Full name*:.....

Tên viết tắt (nếu có)/*Name in abbreviation (if any):*.....

Địa chỉ của Văn phòng/*Address:* .....

Họ, chữ đệm, tên người đứng đầu văn phòng/*Full name of the representative of the Office in Việt Nam:*.....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: ..... Giới tính/*Sex*: .....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/*Number of Personal Identity Card/Passport*[3]: .....

.....

Nơi cư trú/*Place of residence*: .....

.....

3. Trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp/*would kindly apply to the Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam for*:

☐ Cấp Giấy phép hoạt động tại Việt Nam/*Issuing a License to operate in Vietnam*

☐ Gia hạn Giấy phép hoạt động tại Việt Nam/*Extending the License to operate in Vietnam*

☐ Sửa đổi Giấy phép hoạt động tại Việt Nam/*Modifying the License to operate in Vietnam.*

---

[2] Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép thì ghi bổ sung thêm cụm từ "dự kiến" sau cụm từ "Thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam"/*In case of an application for issuance of a license, add the word "Tentative" before the phrase "Foreign Adoption Office in Vietnam".*

[3] Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify type of document, number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

Nêu rõ nội dung sửa đổi/*Please clarify information/content to be modified:*

.....

.....

Nếu được cấp/gia hạn/sửa đổi Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, chúng tôi cam kết tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi và các quy định pháp luật khác có liên quan; tôn trọng truyền thống, văn hóa Việt Nam; hoạt động trong phạm vi nội dung Giấy phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

If being issued with a License to operate in intercountry adoption in Vietnam, or having the License to operate in intercountry adoption in Vietnam extended or modified, we commit to strictly comply with the Vietnamese laws and regulations of adoption; respect the tradition, custom and culture of Vietnam; operate in the field permitted under the License; take full responsibility for all activities of the Foreign Adoption Service Provider in Vietnam.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Done in....., on day..... month..... year.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, dấu)
HEAD OF THE FOREIGN ADOPTION SERVICE PROVIDER
(Signature, full name and seal)

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC MẪU GIẤY TỜ DÙNG CHO VIỆC ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI[1]

(Kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)

STT	Tên giấy tờ
1	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (*Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh)*
2	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (*Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt - Anh)*
3	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi
4	Văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài
5	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Bản chính - có nội dung)
6	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Bản chính - phôi, không có nội dung)
7	Trích lục nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Bản sao)
8	Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 (*Song ngữ Việt - Anh*) (Bản chính - có nội dung)

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 07/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

STT	Tên giấy tờ
9	Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 (*Song ngữ Việt - Anh*) (Bản chính - phôi, không có nội dung)
10	Báo cáo tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài (*Song ngữ Việt - Anh*)
11	Đơn xin cấp/gia hạn/sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (*Song ngữ Việt - Anh*)
12	Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (Bản chính - có nội dung)
13	Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (Bản chính - phôi, không có nội dung)
14	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam (*Song ngữ Việt - Anh*)
15	Trích lục ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
16	Trích lục ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Bản sao)

Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Bản chính - có nội dung), Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 (Bản chính - có nội dung) gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Được in trên giấy trắng định lượng 120gsm, khổ giấy A4 (210 x 297mm), in offset 4x1 màu. Nội dung chính in trên mặt trước, có hoa văn chìm, ở chính giữa nền hoa văn là hình trống đồng Ngọc Lũ, trên mặt trống đồng là hình vẽ bản đồ Việt Nam và các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, các đảo nhỏ khác... Vị trí hình ngôi sao là Thủ đô Hà Nội. Phía ngoài trống đồng là nền hoa văn và được đóng khung bởi đường viền trang trí. Nền hoa văn trang trí sử dụng màu sắc phù hợp.

Nội dung được soạn thảo bằng font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 13pt, khoảng cách dòng là 21.5pt, trường nội dung chữ cách mép giấy hai bên là 23mm, cách mép trên là 12.8mm và mép dưới là 18mm. Phía trên cùng bên trái là tên cơ quan ban hành, số văn bản; tiếp đến là Quốc hiệu và Tiêu ngữ "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**". Tiếp phía dưới là hình ảnh Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có kích thước là 20 x 20mm. Tên mẫu màu đỏ, in hoa đậm, cỡ chữ 18 pt.

Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Bản chính - phôi, không có nội dung), Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 (Bản chính - phôi, không có nội dung) gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Là phôi in màu theo các mô tả chi tiết nêu trên, có Quốc hiệu, Quốc huy và tên mẫu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TƯ PHÁP

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

BỘ TƯ PHÁP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BTP *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Con nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép:

Tổ chức con nuôi nước ngoài:.....

.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

.....

Trụ sở chính tại:.....

.....

Được phép hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Nuôi con nuôi, thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Tên gọi của Văn phòng:.....

Địa chỉ:.....

Họ, chữ đệm, tên người đứng đầu Văn phòng:.....

.....

Điều 2. Giấy phép này có giá trị từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Mọi hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài phải tuân thủ Luật Nuôi con nuôi và các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành khác có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Bộ Công an (để phối hợp);
- Cục thuế..... (để theo dõi);
- Lưu: VT, Vụ CN.

BỘ TRƯỞNG

SỬA ĐỔI VÀ GIA HẠN

SỬA ĐỔI VÀ GIA HẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TƯ PHÁP

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

SỬA ĐỔI VÀ GIA HẠN

SỬA ĐỔI VÀ GIA HẠN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM
REPORT ON THE OPERATION
OF A LICENSED FOREIGN ADOPTION SERVICE PROVIDER IN VIETNAM

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

Giai đoạn báo cáo[1]/*Period of report*:

□ Báo cáo 6 tháng đầu năm *(The first 6-month report):*

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

From day..... month..... year..... to day..... month..... year.....

□ Báo cáo năm *(Annual report)*

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

From day..... month..... year..... to day..... month..... year.....

I. Thông tin cơ bản về tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam/*Basic information on the licensed Foreign Adoption Service Provider in Vietnam*	
Tên Tổ chức con nuôi nước ngoài *Name of the Foreign Adoption Service Provider*	....

[1] *Đối với Báo cáo 6 tháng đầu năm:* kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm. Báo cáo gồm số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6. Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp báo cáo cho Bộ Tư pháp trước ngày 15/7.

For the first 6-month report: The reporting period starts from 1 January to 30 June each year. The report includes actual statistics from January 1 to 30 June. The Foreign Adoption Office submits the report to the Ministry of Justice before 15 July.

Đối với báo cáo năm: kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo năm gồm số liệu thực tế từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp báo cáo cho Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

For annual report: The reporting period starts from 1 January to 31 December each year. Annual report includes actual statistics from 1 January to 31 December every year. The Foreign Adoption Office submits the report to the Ministry of Justice before 15 January of the next year.

Người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam *Head of the Foreign Adoption Office in Vietnam*	.....
Thời hạn giấy phép hoạt động của tổ chức tại Việt Nam *The License of the Foreign Adoption Service Provider in Vietnam is valid*	*From day..... month..... year.....* *To day..... month..... year.....*
Nêu những thay đổi của Văn phòng về nhân sự, địa chỉ, thay đổi khác (nếu có) *Changes in the personnel, address and others of the Foreign Adoption Service Provider (if any)*	....

II. Kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài*/Intercountry adoption results*

STT/*No*	**Các mục báo cáo/*Descriptions***
1	Số hồ sơ đã nộp tại Bộ Tư pháp/*The number of dossiers filed with the Ministry of Justice*:.....
2	Số hồ sơ đã được giải quyết/*The number of dossiers completed*:..... .....
3	Số hồ sơ đang giải quyết (*Ước tính sẽ hoàn tất*)/*The number of dossiers being processed (to be completed)*:.....
4	Số hồ sơ dừng giải quyết/*The number of dossiers, the processing of which has been stopped*:..... Lý do/*Reason*:.....
5	Nêu địa phương nơi Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi/*Which provinces the Foreign Adoption Office in Vietnam works with/provides support in the field of intercountry adoption*:..... ....

STT/*No*	Các mục báo cáo/*Descriptions*
6	Nêu khó khăn mà Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam gặp phải trong quá trình hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi (nếu có)/*What difficulties the Foreign Adoption Office in Vietnam faces during the intercountry adoption process (if any)*: ....

III. Kết quả đôn đốc nộp báo cáo tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài/*Results of urging adoptive parents to send reports on the development of the adopted children in intercountry adoption*

STT/No.	Các mục báo cáo/ *Descriptions*
1	Tổng số báo cáo đã nộp tại Bộ Tư pháp bao gồm/*Total of reports submitted to the Ministry of Justice, including*:
	Báo cáo số 1: HS số:..... *Report No.1: Dossier reference number:*..... Báo cáo số 2: HS số:..... *Report No.2: Dossier reference number:*..... Báo cáo số 3: HS số:..... *Report No.3: Dossier reference number:*..... Báo cáo số 4: HS số:..... *Report No.4: Dossier reference number:*..... Báo cáo số 5: HS số:..... *Report No.5: Dossier reference number:*..... Báo cáo số 6: HS số:..... *Report No.6: Dossier reference number:*.....
2	Đánh giá về kết quả báo cáo tình hình phát triển của con nuôi (báo cáo đúng hạn, chậm...., nêu lý do)/*Assessment on the reporting results of the development of the adopted children (reports submitted in due course or late, etc. and the reason thereof):*..... .....
3	Đánh giá chung về tình hình phát triển của con nuôi (thuận lợi và khó khăn): *General assessment of the development of the adopted children (advantages and disadvantages):*..... ....

IV. Tình hình thu, chi tài chính/*Financial revenue and expenditure*

(Không bao gồm các khoản nêu ở điểm V dưới đây)/(*Not including the items specified in section V below)*

Đơn vị tính/*Currency*: Việt Nam đồng/*Vietnam Dong*

Tổng thu do Tổ chức con nuôi nước ngoài chuyển/*Total receivables transferred by the Foreign Adoption Service Provider*:.....

Tổng chi tại Việt Nam/*Payables in Vietnam*:.....

Cụ thể/*In particular*:

Chi/*Expenses*	**Tổng số/*Total***
Lệ phí/*Fee* (9.000.000 VNĐ/trường hợp)/*VND 9,000,000/case*	.....
Chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (50.000.000 VNĐ/trường hợp giới thiệu)/*Expense for intercountry adoption processing VND 50,000,000/case*	....
Tổng chi phí hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam gồm/Total expenses paid by the Foreign Adoption Office in Vietnam - Lương/*Salary*: - Thuê trụ sở/*Head Office rental*: - Công tác/*Expenses for business trip*: - Chi phí hành chính khác/*Other Administrative expenses*:	....
Chi phí hoàn tất thủ tục gồm: (*chi phí x số các trường hợp đã hoàn thành*)/*Expenses for completion of the intercountry adoptions (in total), include:* Hộ chiếu/*Passport*: Visa/*Visa*: Dịch thuật hồ sơ, giấy tờ, tài liệu/*Translation of documents*: Các chi phí khác/*Other expenses*:	....

V. Kết quả hỗ trợ, chăm sóc bảo vệ trẻ em, nếu có/*Results of support and care for children(if any)*

Đơn vị tính/Currency: Việt Nam đồng/Vietnam Dong

STT/ No.	Các mục báo cáo/*Descriptions*	Tổng số hỗ trợ/*Amount*		Đơn vị thụ hưởng/ *Beneficiary*
		Tiền/ *In cash*	Hiện vật (tính thành tiền)/ *In kind (equivalent to cash)*	
1	Hỗ trợ sau khi nhận con nuôi của cha mẹ nuôi nước ngoài /*Post -adoption donations by foreign adoptive parents*			
2	Hỗ trợ của Tổ chức con nuôi nước ngoài/*Donations from the Foreign Adoption Service Provider*			
3	Hỗ trợ cộng đồng (nếu có) thông qua cơ quan có thẩm quyền *(Support for the communities through the competent authorities (if any)*			

VI. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)/*Suggestion or recommendation (if any)*

.....

.....

.....

Làm tại....., ngày... tháng... năm.....

Done in....., on.....[day..... month..... year.....]

Người đứng đầu Tổ chức con nuôi nước ngoài	**Người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam**
Head of the Foreign Adoption Service Provider	***Head of the Foreign Adoption Office in Vietnam***
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
(Signature, full name and seal)	*(Signature, full name and seal)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ..... **ỦY BAN NHÂN DÂN** **QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Số: /NCNNN-TLGS

TRÍCH LỤC
Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....	**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi**:.....
.....	.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
.....	.....
Hộ chiếu[1]:.....	Hộ chiếu[1]:.....
.....	.....
.....	.....
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú:.....
.....	.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....

Việc nuôi con nuôi được giải quyết tại[2] .....
theo.....[3] của[4]......, cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

---

[1] Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Châu Âu và Ngoại giao Cộng hòa Pháp cấp ngày 02/02/2015.

[2] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã giải quyết việc nuôi con nuôi. Ví dụ, Tòa án sơ thẩm thành phố Pa-ri (Paris), Cộng hòa Pháp.

[3] Ghi tên giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Giấy tờ này có thể là Phán quyết của tòa án, hoặc Quyết định của cơ quan hành chính.

[4] Ghi tên quốc gia giải quyết việc nuôi con nuôi. Ví dụ, Cộng hòa Pháp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ.....
ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số[1]: /NCNNN-TLGSBS

TRÍCH LỤC
Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....
.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....
Hộ chiếu[2].....
.....
.....
Nơi cư trú:.....
.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....
.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....
Hộ chiếu[2]:.....
.....
.....
Nơi cư trú:.....
.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi: ..... Giới tính: .....
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Quốc tịch: .....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....
Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi tại:.....
.....
số..... ngày..... tháng..... năm.....[3]
Thực hiện trích lục từ[4]:.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

[1] Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.
[2] Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Châu Âu và Ngoại giao Cộng hòa Pháp cấp ngày 02/02/2015.
[3] Ghi tên cơ quan đã thực hiện ghi vào sổ, số đăng ký, ngày, tháng, năm thực hiện ghi vào sổ. Ví dụ: Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, số 01, ngày 19/11/2020.
[4] Ghi rõ thực hiện việc trích lục từ Sổ đăng ký nuôi con nuôi hay từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

(Xem tiếp Công báo số 1309 + 1310)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng